

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng sư phạm**

Ngành đào tạo: **Giáo dục Mầm non**

Tên tiếng Anh: **Early Childhood Education**

Mã ngành : **51140201**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 527/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Tiền Giang, năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo.....	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo	6
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo.....	7
2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo.....	8
3. Chuẩn đầu vào.....	8
4. Cấp bằng tốt nghiệp	8
PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	8
1. Mục tiêu cụ thể	8
2. Chuẩn đầu ra	10
2.1. Kiến thức	10
2.2. Kỹ năng	10
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	10
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	11
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	11
1. Cấu trúc chương trình đào tạo	11
2. Khung chương trình đào tạo.....	12
3. Mô tả học phần	16
4. Sơ đồ đào tạo.....	49
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	49
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy	49
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập.....	50
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	51
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	57
10. Thông tin cập nhật	59

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 527 /QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo Cao đẳng sư phạm Giáo dục mầm non do Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản (SP&KHCB) quản lý. Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản là một đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tiền Giang (ĐHTG), gắn với quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường.

Trường Đại học Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 132/QĐ-ĐHTG ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hợp nhất Trường Cao đẳng Sư phạm và Cao đẳng Cộng đồng Tiền Giang. Tiền thân của hai ngôi trường này là Viện Đại học Cộng đồng Tiền Giang (1971-1975), Trường Dự bị Đại học Tiền Giang (1975-1981), Cơ sở II Trường Đại học Cần Thơ (1981-1984), Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng tại chức liên tỉnh Tiền Giang - Long An - Bến Tre hệ đại học (1984-2000), Trường Công nhân kỹ thuật Tiền Giang và các Trường Sư phạm của tỉnh thành lập sau ngày đất nước thống nhất.

Sứ mệnh của Nhà trường là “*Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng đồng bằng Sông Cửu Long, mang đến cho người học cơ hội nghề nghiệp để thăng tiến*”. Mục tiêu của chiến lược phát triển trường Đại học Tiền Giang giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định: *Phấn đấu vươn lên để trở thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu nhân lực tỉnh Tiền Giang và các tỉnh lân cận.*

Trải qua 50 năm hình thành và phát triển (1971-2021), các thế hệ nhà giáo, học sinh, sinh viên đã vun đắp những giá trị truyền thống rất đáng tự hào. Truyền thống ấy là: Đoàn kết, chung sức chung lòng xây dựng và phát triển Nhà trường; khắc phục mọi khó khăn để dạy tốt, công tác tốt, học tốt; năng động, linh hoạt và thích ứng với yêu cầu xã hội; tất cả vì sự nghiệp giáo dục và sự phát triển cộng đồng. Từ khi thành lập đến nay, Trường ĐHTG luôn luôn kiên trì với mục tiêu chất lượng; lấy việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, đào tạo giáo viên nói riêng làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường.

Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHTG ngày 25/01/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTG. Khoa SP&KHCB được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Khoa của Trường ĐHTG là Khoa Sư phạm, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Khoa học Tự nhiên.

Trước ngày 25/01/2021, Khoa Sư phạm là đơn vị phụ trách chương trình đào tạo Cao đẳng sư phạm Giáo dục mầm non (CĐSP GDMN).

Khoa SP&KHCB có 04 bộ môn: Bộ môn Giáo dục Tiểu học – Mầm non (GDTH-MN), Bộ môn Khoa học Tự nhiên, Bộ môn Khoa học Xã hội, Bộ môn Ngoại ngữ. Các bộ môn này được thành lập từ ngày 22/02/2021.

Năm 2021, Khoa SP&KHCB tuyển sinh trình độ đại học gồm 5 ngành học: Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Giáo dục tiểu học, Văn hóa học, Văn học, Toán Ứng dụng. Bên cạnh đó, Khoa tuyển sinh 2 ngành đào tạo trình độ Cao đẳng: GDMN, Tiếng Anh.

Bộ môn GDTH-MN được thành lập theo Quyết định số 90/QĐ-ĐHTG ngày 22/02/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc thành lập Bộ môn GDTH-MN thuộc Khoa SP&KHCB từ 22/02/2021. Bộ môn GDTH-MN chịu trách nhiệm quản lý và giảng dạy chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Tiểu học, CĐSP GDMN và các học phần môn chung thuộc Tâm lý học – Giáo dục học – Quản lý giáo dục của các ngành đào tạo khác của Trường.

Tính đến tháng 9 năm 2023, Bộ môn GDTH-MN có 17 viên chức gồm: 01 giảng viên chính (Thạc sĩ), 16 giảng viên (03 Nghiên cứu sinh, 11 Thạc sĩ, 02 Cử nhân). Nhân sự của Bộ môn GDTH-MN là tất cả giảng viên chuyên ngành: GDMN, Giáo dục Tiểu học, Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Mỹ thuật, Âm nhạc.

Tiền thân của Bộ môn GDTH-MN là Bộ môn Mầm non thuộc Khoa Sư phạm, được thành lập từ ngày 01/11/2010.

Các chương trình đào tạo của Khoa SP&KHCB:

Khoa SP&KHCB (tiền thân là khoa Sư phạm), Trường ĐHTG đã và đang đào tạo 20 chương trình đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp theo loại hình chính qui, vừa làm vừa học và liên thông. Trong đó:

- Đại học: 07 chương trình đào tạo
- Cao đẳng: 11 chương trình đào tạo
- Trung học: 01 chương trình đào tạo

STT	MÃ SỐ	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO		
			(1)	(2)	(3)
I. ĐẠI HỌC					
1	7140209	Sư phạm Toán học	x		x
2	7140217	Sư phạm Ngữ văn	x		x
3	7140211	Sư phạm Vật lý	x		
4	7140202	Giáo dục Tiểu học	x	x	x
5	7229030	Văn học	x		
6	7229040	Văn hóa học	x		
7	7460112	Toán ứng dụng	x		

STT	MÃ SỐ	TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO		
			(1)	(2)	(3)
II. CAO ĐẲNG					
1	51140201	Giáo dục Mầm non	x	x	
2	51140202	Giáo dục Tiểu học	x		
3	51140206	Giáo dục Thể chất	x	x	
4	52140221	Sư phạm Âm nhạc	x		
5	52140222	Sư phạm Mỹ thuật	x		
6	51140215	Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp	x		
7	51140217	Sư phạm Ngữ Văn	x	x	
8	51140231	Sư phạm Tiếng Anh	x		
9	51140209	Sư phạm Toán học	x	x	
10	51140213	Sư phạm Sinh học – Hóa học	x		
11	51140218	Sư phạm Lịch Sử - Địa lý	x		
III. TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP					
1	42140201	Sư phạm Mầm non	x		

Ghi chú: (1) Chính quy; (2) Vừa làm vừa học; (3) Liên thông

Về chương trình bồi dưỡng:

Từ năm 2008 đến nay (năm 2023), ngoài đào tạo đội ngũ giáo viên cho các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, Khoa SP&KHCB còn xây dựng và tổ chức thực hiện nhiều chương trình Bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ, viên chức trong tỉnh và các tỉnh lân cận như sau:

- Khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm bậc 1, bậc 2 và bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm cho giáo viên các trường Trung học phổ thông.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trong tỉnh theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang.

- Kết hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang mở lớp Nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em, lớp Dinh dưỡng học đường từ năm 2013 đáp ứng theo nhu cầu của các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trong tỉnh.

- Bồi dưỡng các lớp chuyên đề cho giáo viên mầm non và những người có nhu cầu về kỹ năng như thanh nhạc, vẽ hình họa và trang trí, đọc và kể chuyện diễn cảm, bồi dưỡng phương pháp dạy Aerobic mẫu giáo cho các giáo viên.

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng III, II cho giáo viên các cơ sở GVMN trong tỉnh từ năm 2021.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm Giáo dục mầm non dành cho giáo viên giảng dạy tiếng Anh cho trẻ từ năm 2023.

Quan hệ hợp tác của Khoa SP&KHCB:

- Từ năm 2010 đến nay (năm 2023): Khoa xây dựng mối quan hệ hợp tác với các cơ sở GDMN của các huyện thị trong tỉnh có sử dụng nguồn nhân lực giáo viên mầm non (GVMN). Đặc biệt, Khoa đã xây dựng mô hình 08 trường mầm non vệ tinh để gửi sinh viên đến thực hành thường xuyên và thực tập tại thực tiễn cơ sở GDMN, tổ chức cho sinh viên tham gia xây dựng công trình công ích như xây dựng môi trường học tập cho trẻ ở trường mầm non. Khoa đã phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo mở lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, nhân viên các cơ sở GDMN của các huyện thị trong tỉnh; tham gia hội thảo, hội giảng, chấm thi GVMN giỏi cấp tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang tổ chức. Phối hợp với các đơn vị ngoài tỉnh như Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức cho học viên lớp Cán bộ quản lý mầm non, tiểu học và trung học cơ sở tham quan học tập thực tế các đơn vị tiên tiến. Ngoài ra, Khoa còn tham dự các buổi tọa đàm, tập huấn theo chuyên đề, hội thảo do Trường Cao đẳng Sư phạm Trung Ương TPHCM, Trường Đại học Sư phạm TPHCM và Bộ Giáo dục Đào tạo tổ chức.

Ngành CĐSP GDMN của Khoa đã đào tạo đáp ứng nhu cầu giáo viên mầm non cho tỉnh Tiền Giang và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển Giáo dục mầm non.

Khoa SP&KHCB là một trong những đơn vị của Nhà trường sớm quan tâm đến chất lượng hoạt động đào tạo giáo viên, trong đó có giáo viên mầm non. Vì thế, chất lượng đào tạo của Khoa được đảm bảo, trở thành một địa chỉ đáng tin cậy trong đào tạo giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non. Tập thể cán bộ, giảng viên của Khoa đã ý thức được một cách sâu sắc tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, là nền tảng của công tác đảm bảo chất lượng đào tạo của Khoa và Nhà trường.

2. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành GDMN trình độ CĐSP được cập nhật, xây dựng năm 2023 trên cơ sở Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2021 của Trường ĐHTG về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường ĐHTG và tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong nước hiện đang đào tạo ngành Giáo dục mầm non; Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học; Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về

chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

CTĐT được thiết kế theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 6 tuổi. Chương trình được rà soát, điều chỉnh định kì 2 năm/lần vào theo hướng hài hoà giữa lý luận và ứng dụng, thực hành, gia tăng sự kết nối, tích hợp giữa các môn học, các nội dung học tập đảm bảo phù hợp với yêu cầu của xã hội và ngành Giáo dục mầm non. Qua mỗi lần rà soát, CTĐT được cập nhật những vấn đề mới liên quan đến Giáo dục mầm non nói riêng và của ngành giáo dục nói chung. Tài liệu học tập được cập nhật phù hợp. Đề cương chi tiết (ĐCCT) của CTĐT đầy đủ thông tin, tường minh để người học và các bên liên quan dễ tiếp cận.

CTĐT được điều chỉnh năm 2023 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học của trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam. CTĐT đặc biệt quan tâm tới đảm bảo chất lượng, hướng tới sự đầu tư chuyên sâu của giảng viên, đảm bảo sự đóng góp của mỗi học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học góp phần phát triển các năng lực cho sinh viên và vận dụng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi; thúc đẩy tinh thần tự học, sáng tạo, chủ động trong việc học tập, rèn luyện, phát triển năng lực người học. Tài liệu giảng dạy được lựa chọn đảm bảo tính cập nhật, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tự học đối với mỗi học phần trong CTĐT. Việc rèn nghề, thực hành nghề nghiệp của sinh viên được chú trọng trong đào tạo trên cơ sở khai thác sự phối hợp, hỗ trợ tối đa của các cơ sở giáo dục mầm non trong và ngoài tỉnh; chú trọng các môn học tiềm năng cho việc phát triển năng lực hội nhập quốc tế, các kỹ năng xã hội cần đối với giáo viên mầm non như: ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Cao đẳng sư phạm Giáo dục mầm non
- Tên ngành:
 - + Tiếng Việt: **Giáo dục Mầm non**
 - + Tiếng Anh: **Early Childhood Education**
- Mã ngành: 51140201
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng sư phạm
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: **Cử nhân Cao đẳng sư phạm Giáo dục Mầm non**
- + Tiếng Anh: **Bachelor of College of Early Childhood Education**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo.

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học An Giang.

+ Chương trình đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng sư phạm Trung Ương TP. Hồ Chí Minh.

+ Chương trình đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Trung Ương Hà Nội.

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Cao đẳng sư phạm Giáo dục mầm non đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp; kiến thức và kỹ năng cơ bản về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tự nhiên, công nghệ thông tin, ngoại ngữ nhằm thực hiện tốt các yêu cầu công việc có liên quan đến ngành Giáo dục mầm non; có năng lực tự học, tự chủ và các kỹ năng mềm cần thiết để thích nghi, hòa hợp tốt với gia đình, xã hội.

Người học được đào tạo kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi, đáp ứng nhu cầu của phụ huynh và cộng đồng. Sau khi tốt nghiệp, người học có hiểu biết về bản sắc văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Nam Bộ nói riêng và Việt Nam, ASEAN nói chung; có thể tiếp tục học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng năng lực quản lý, đảm nhận nhiệm vụ của người giáo viên mầm non các cơ sở giáo dục mầm non trong nước, đáp ứng xu hướng hội nhập trong khu vực các nước ASEAN.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHTG ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Người học có kiến thức về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật; Có kiến thức về văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu

Long, Nam bộ nói riêng, Việt Nam và ASEAN nói chung.

PO02: Người học có kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc của người giáo viên mầm non.

PO03: Người học có kiến thức cơ bản, thực tế về khoa học Giáo dục mầm non; Vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất của người giáo viên mầm non để tổ chức quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý nhóm, lớp ở cơ sở giáo dục mầm non.

PO04: Người học có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh quá trình thực hiện các hoạt động học tập, thực hành, thực tập và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

PO05: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành, đánh giá các hoạt động quản lý nhóm, lớp và cơ sở giáo dục mầm non.

1.2. Kỹ năng

PO06: Người học có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu, làm việc nhóm và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non cho bản thân và người khác để hướng đến cuộc sống hạnh phúc, trách nhiệm.

PO07: Người học có kỹ năng đánh giá chất lượng và chủ động hoàn thiện kết quả học tập, nghiên cứu, làm việc của bản thân và các thành viên trong nhóm.

PO08: Người học có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, phục vụ cho việc học tập, giao tiếp và nghiên cứu, làm việc trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

PO09: Người học có kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi một cách khoa học, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

PO10: Người học có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp đến người khác trong quá trình học tập, thực hành, thực tập; chuyên giao, phổ biến kiến thức, kỹ năng đến phụ huynh, cộng đồng và các tổ chức khác về hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO11: Người học chủ động thực hiện công việc và có ý thức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm về nhiệm vụ được giao.

PO12: Người học thể hiện vai trò, trách nhiệm của người giáo viên mầm non đối với giáo dục toàn diện nhân cách trẻ.

PO13: Người học có đủ sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn; tích cực hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ học tập, thực hành, thực tập.

PO14: Người học tự định hướng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần tích lũy, đưa ra kết luận chuyên môn cần thiết trong quá trình học tập, thực hành, thực tập; bảo vệ được quan điểm cá nhân trong học tập, nghiên cứu.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

Sau khi tốt nghiệp CĐSP GDMN, người học có thể làm việc ở các vị trí:

- Giáo viên ở các cơ sở giáo dục mầm non.

- Giáo viên dạy năng khiếu cho trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non: hát, múa, mỹ thuật, Aerobic, giáo dục kỹ năng sống, Tiếng Anh.
- Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non (sau khi tham gia lớp bồi dưỡng và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ quản lý theo yêu cầu).

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ

Người học có kiến thức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tự học và liên thông lên trình độ Đại học Giáo dục mầm non và học văn bằng hai các ngành gần của Giáo dục mầm non; tiếp tục phấn đấu đạt trình độ Sau Đại học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Trình bày kiến thức cơ bản về Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Khoa học chính trị và Pháp luật, Giáo dục thể chất.

K02: Phân tích kiến thức về nghề nghiệp và phẩm chất của người giáo viên mầm non.

K03: Phân tích kiến thức cơ bản về quản lý nhóm, lớp ở các cơ sở giáo dục mầm non.

K04: Giải thích kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và điều chỉnh quá trình thực hiện các hoạt động học tập, thực hành, thực tập và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

2.2. Kỹ năng

S01: Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo trong giải quyết vấn đề; làm việc nhóm và đánh giá chất lượng công việc.

S02: Sử dụng tiếng Anh tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc Tiếng Hàn cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập, giao tiếp, nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

S03: Lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, đánh giá hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi một cách khoa học, mang lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

S04: Tự học, tự nghiên cứu và khởi nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.

S05: Truyền đạt và chuyển giao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp tại trường đại học và các cơ sở giáo dục mầm non.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thường xuyên thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

A02: Thể hiện vai trò, trách nhiệm của người giáo viên mầm non đối với giáo dục toàn diện nhân cách trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.

A03: Thể hiện sức khỏe và nghị lực tích cực để khắc phục những khó khăn, hỗ trợ và động viên người khác làm tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 03 tháng đến 06 tuổi.

A04: Tự định hướng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần tích lũy, đưa ra kết luận chuyên môn cần thiết trong quá trình học tập, thực hành, thực tập.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra												
	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
PO01	x				x	x		x	x	x	x	x	
PO02	x					x		x	x				
PO03		x	x	x			x	x	x		x		x
PO04		x		x			x	x	x		x		x
PO05			x					x	x		x		x
PO06					x					x		x	
PO07					x					x		x	
PO08						x							
PO09							x	x				x	x
PO10									x				x
PO11										x			
PO12											x		
PO13												x	
PO14													x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **132**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **97**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và học phần điều kiện General English 1).

1.2. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	13	10	23	23,7
2	Kiến thức cơ sở ngành	16	0	16	16,5
3	Kiến thức ngành	40	0	40	41,2
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	0	4	4	8,2
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	10	0	10	10,3
6	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	0	4	4	8,2
Tổng cộng		79	18	97	100%

2. Khung chương trình đào tạo

Mã HP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT (15)	TL (30)	TH (30)	TT (45)	ĐA (60)	TS	TLTT	
1. Kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh						11	11		
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật						12	4		
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
05032	Cơ sở văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á	30					2	2	
17102	Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm	15	30				2		
17262	Đàn điện tử			60			2		17093+
17462	Mỹ thuật nâng cao	15		30			2		
17582	Kỹ thuật múa rối trong hoạt động giáo dục trẻ mầm non	15		30			2		17083+
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)						4	4*		
08004	General English 1	60					4	4*	
1.3.2. Học phần tích lũy						6	6		
08012	General English 2	30					2	2	08004
08024	English 1	60					4	4	08012
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường						9	2		
Chọn tự do 2 (Tích lũy tối thiểu 2 TC)									
08722	Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê toán	15	30				2	2	
11902	Con người và môi trường	30					2		
17592	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	15	30				2		
30053	Tin học ứng dụng cơ bản	15		60			3		
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất						9	3*		

12371	Thê dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh							165 tiết		
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							38	23	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							16	16	
2.1. Cơ sở ngành									
05052	Kỹ năng mềm	15	30				2	2	
15062	Tâm lý học đại cương	15	30				2	2	
15292	Giáo dục học đại cương	15	30				2	2	
15301	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2			30			1	1	15461+
15372	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và nghiên cứu trẻ em	15	30				2	2	
15461	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1			30			1	1	
17083	Mỹ thuật	15	30	30			3	3	
17093	Âm nhạc và múa	15	30	30			3	3	
2.2. Ngành							40	40	
17122	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	15	30				2	2	
17133	Vệ sinh – Dinh dưỡng trẻ em	30		30			3	3	17122+
17142	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	15	30				2	2	17122+
17163	Chương trình giáo dục mầm non và Phát triển tổ chức thực hiện chương trình GDMN	30	30				3	3	17313+
17172	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+

17182	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17192	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	15	30	0			2	2	17363+, 17372=
17212	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17222	Phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17242	Phương pháp dạy trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh	15		30			2	2	17163+
17252	Phương pháp dạy trẻ làm quen văn học	15		30			2	2	17163+
17302	Nghề giáo viên mầm non và Giáo dục gia đình.	15	30				2	2	
17313	Giáo dục mầm non	30	30				3	3	15292+
17332	Đánh giá trong Giáo dục mầm non	15	30				2	2	17163+
17363	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non 1	30	30				3	3	15062+
17372	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non 2	15	30				2	2	17363+
17402	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	15		30			2	2	17163+
17442	Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	15	30				2	2	17163+
2.3. Chuyên sâu/Bổ trợ							20	4	
<i>Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</i>									
17272	Ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục mầm non	15		30			2	2	
17312	Giáo dục hòa nhập	15	30				2		17313+
17322	Quản lý trong Giáo dục mầm non	15	30				2		
17602	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	15	30				2		17313+
17612	Thiết kế trò chơi học tập	15		30			2		17192+
<i>Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 2 TC)</i>									
17152	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa theo bài hát	15		30			2	2	17093+

17342	Phương pháp dạy năng khiếu âm nhạc cho trẻ mầm non	15	30				2		17093+
17352	Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non	15	30				2		
17392	Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo làm quen Tiếng Anh	15	30				2		
17432	Phương pháp dạy năng khiếu mỹ thuật cho trẻ mầm non	15	30				2		17083+
2.4. Thực tập - Khóa luận, đồ án tốt nghiệp							18	14	
2.4.1. Thực tập							10	10	
17521	Thực hành sư phạm 1				45		1	1	17313+
17543	Thực tập sư phạm 1				135		3	3	17622+
17564	Thực tập sư phạm 2 (cuối khóa)				180		4	4	17543+
17622	Thực hành sư phạm 2			30	45		2	2	17521+
2.4.2. Chuyên đề/ Khóa luận							8	4	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 4 TC)									
17382	Các chuyên đề đổi mới trong Giáo dục mầm non	15	30				2	4	
17632	Chuyên đề chuẩn bị cho trẻ vào Trường Tiểu học	15	30				2		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 4 TC)									
17574	Khóa luận tốt nghiệp (GDMN)					240	4	4	
Tổng cộng khối kiến thức ngành							94	74	
Số tín chỉ tổng cộng: 132 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 97 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần có tích lũy điểm vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học (học phần General English 1) hoặc đủ điều kiện xét tốt nghiệp (các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh). Điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong phần mềm hệ thống thông tin tích hợp (TGUIIS) đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02/8/2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- *LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.*

- *TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.*

- *TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.*

- *TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.*

- *ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.*

- *TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.*

- *TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.*

- *HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)*

- *HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺*

- *HPSH (Học phần học song hành), ký hiệu (MHP)⁼*

3. Mô tả học phần

3.1. Triết học Mác - Lênin (00033)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Triết học Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về triết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; có khả năng nhận thức, phân tích và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế, chính trị, xã hội đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

3.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (01202)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (00033)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành được tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện được bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 00, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin (01202)

- Mô tả :

Sau khi học xong học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và vận dụng các tri thức khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị-xã hội của đất nước; hình thành thái độ, tư tưởng chính trị đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và ra sức học tập, rèn luyện góp phần xây dựng đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học (03212)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, phân tích, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

[4]. Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, 2005.

3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (03022)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh viên hiểu được những tri thức có tính hệ thống của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, vận dụng kiến thức để xem xét, đánh giá, phản biện những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay; có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, , *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.

[3]. Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995-2018.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết, *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận- thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

3.6. Pháp luật đại cương (71012)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần Pháp luật đại cương, sinh viên biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022.

[2]. Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.7. Cơ sở văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á (MHP 05032)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích được các nội dung: Văn hóa học và văn hóa Việt Nam và văn hoá các nước Đông Nam Á; Văn hóa nhận thức; Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Tấn Đắc chủ biên (2010), *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB Khoa học Xã hội, TP HCM.

+ Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3.8. Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm (MHP 17102)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học tìm hiểu tác phẩm văn học dành cho trẻ MN; phần 2 rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm TPVH cho trẻ MN. Thông qua các nội dung, học phần hình thành cho người học biết lựa chọn tác phẩm văn học phù hợp với đặc điểm trẻ MN và kỹ thuật đọc kể diễn cảm tác phẩm dành cho trẻ trong chương trình giáo dục mầm non. Làm cơ sở để người học rèn luyện kỹ năng tổ chức PP cho trẻ làm quen tác phẩm văn học, hỗ trợ kỹ thuật khi thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ trong đợt thực hành, thực tập.

- Tài liệu chính:

+ Hoàng Văn Cẩn (2018), *Dạy học tác phẩm văn học dành cho trẻ thiếu nhi*, NXB Giáo dục.

+ Hà Nguyễn Kim Giang (2012), *Phương pháp đọc diễn cảm*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

+ Lã Thị Bắc Lý (2018), *Văn học thiếu nhi với GD trẻ lứa tuổi MN*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Thúy Quỳnh – Phương Thảo (2008), *Tuyển chọn thơ ca – truyện kể - câu đố cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục.

+ Trần Đăng Khoa (1996), *Góc Sân và khoảng trời*, NXB Giáo dục.

+ Tô Hoài (1997), *Tuyển tập văn học thiếu nhi*, NXB Văn học.

+ Tô Hoài (1999), *Văn học thiếu nhi*, NXB Văn học.

+ Phạm Hồ (1999), *Tuyển tập Phạm Hồ*, NXB Văn học.

3.9. Đàn điện tử (MHP 17262)

- Số tín chỉ: 2 TC (0, 0, 60, 0, 0)

- Học phần học trước: Âm nhạc và múa (MHP 17093)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học trình bày tất cả các bài hát; các kỹ thuật cơ bản của đàn phím điện tử; các hợp âm cơ bản cho các giọng Đô trưởng, La thứ, Sol trưởng, Mi thứ, Fa trưởng, Rê thứ.

- Tài liệu chính:

+ Bùi Tuấn Kiệt – Lê Anh Vũ (2018), *Tập bài giảng nhạc cụ 1*, Trường ĐH Tiền Giang.

+ Lê Vũ (2018), *Phương pháp học đàn organ 1, 2, 3, 4*, NXB Trẻ.

+ Lê Vũ (20018), *Độc tấu trên đàn organ 1, 2, 3, 4*, NXB Trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

+ Lê Dũng (2009), *Piano cho thiếu nhi 1, 2, 3, 4*, NXB Âm nhạc.

+ Nguyễn Xuân Tú (2004), *Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử*, NXB ĐHSB.

3.10. Mỹ thuật nâng cao (MHP 17462)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Mỹ thuật (MHP 17083)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học tìm hiểu về Vẽ bóng với ba sắc độ, đơn giản và cách điệu hoa lá, đơn giản và cách điệu động vật, tranh trang trí, nặn tranh đề tài, làm mô hình – làm đồ chơi từ nguyên vật liệu mở. Vận dụng kiến thức đã học thực hành vẽ theo mẫu, vẽ cách điệu hoa lá, vẽ cách điệu động vật, vẽ tranh theo chủ đề, làm tranh bằng đất nặn, làm đồ chơi từ nguyên vật liệu mở, làm mô hình tích hợp môn học và làm truyện bằng vải nỉ.

- Tài liệu chính:

+ Lương Thị Kim Tuyền, Nguyễn Kim Anh, Vũ Quang Hiếu (2018), *Vẽ trang trí sản phẩm*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Triệu Khắc Lễ (2018), *Hình họa 1*, NXB Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

+ Tạ Phương Thảo (2004), *Giáo trình trang trí*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Phạm Ngọc Tới (2007), *Giáo trình trang trí tập 2*, NXB Đại học Sư phạm.

- Nguyễn Thế Hùng (chủ biên), Nguyễn Thị Nhung (2007), *Giáo trình trang trí tập 3*, NXB Đại học Sư phạm.

3.11. Kỹ thuật múa rối trong hoạt động giáo dục trẻ mầm non (MHP 17582)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những vấn đề cơ bản về nghệ thuật múa rối. Mô tả kỹ năng tạo ra sản phẩm rối, vận dụng các kỹ năng và nguyên tắc biên đạo múa rối theo các chủ đề ở trường mầm non. Xây dựng kịch rối dựa trên các tác phẩm văn học, âm nhạc, kịch nghệ và ứng dụng kỹ thuật múa rối trong các hoạt động giáo dục và hoạt động lễ hội ở trường mầm non.

- Tài liệu chính:

+ Phạm Thị Việt Hà (2018), *Hướng dẫn làm đồ chơi bằng vật liệu dễ tìm*, NXB GDVN.

+ Phạm Thị Loan, Phạm Thị Thư (2018), *Giáo trình Đồ chơi trẻ em*, NXB GDVN.

+ Phan Văn Tú (2018), *Bảo tồn và phát triển múa rối nước* (Qua nghiên cứu trường hợp làng Rạch, Hồng Quang Nam Trực - Nam Định).

3.12. General English 1 (MHP 08004)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi học xong học phần General English 1, sinh viên hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyên động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thì hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

3.13. General English 2 (MHP 08012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1 (08004)

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần bắt buộc (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu C (08012C).

Sau khi học xong học phần General English 2, sinh viên hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan đến

đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*. 2nd Edition. Oxford University Press.

[2]. Tim Falla, Paula Davies. (2012). *Solutions Pre-Intermediate Workbook*. 2nd Edition. Oxford University Press.

3.14. English 1 (MHP 08024)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: General English 2 (08012)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày các kiến thức về dùng động từ nguyên mẫu, danh động từ, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn. Ngoài ra, còn nhận ra các dấu hiệu dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, và cách dùng mạo từ “a, an, the”. Hơn thế nữa, sinh viên còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến âm nhạc, thể thao, sở thích, các hoạt động trong thời gian có thể, và các chủ đề liên quan đến phong cảnh ở thành thị và nông thôn.

- Tài liệu chính:

+ Tim Falla, Paula Davies (2012), *Solutions Pre-Intermediate Student's Book*, 2nd Edition. Oxford University Press.

+ Tim Falla, Paula Davies (2012), *Solutions Pre-Intermediate Workbook*, 2nd Edition. Oxford University Press.

3.15. Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê Toán (MHP 08722)

- Số tín chỉ: 1 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày các kiến thức về thống kê cơ bản: biến, thu thập và trình bày dữ liệu, các loại biểu đồ, xu thế, đường fit, mô tả và phân tích dữ liệu, thiết kế mẫu, dự báo và mô phỏng, các loại phân bố. Từ đó người học biết cách thức thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, nắm được ý nghĩa của những thuật ngữ thống kê, hiểu được giá trị của thống kê đối với nghiên cứu khoa học cũng như đối với đời sống thực tiễn.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Cao Văn (chủ biên) (2018), *Lý thuyết xác suất và thống kê*, NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân.

3.16. Con người và môi trường (MHP 11902)

- Số tín chỉ: 1 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những kiến thức cơ bản về môi trường đương đại toàn cầu, nguyên nhân và hậu quả của: sự phát triển dân số, hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên của con người, sự ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu; phân tích được nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, các vấn đề môi trường ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay; hình thành thái độ tích cực về mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và môi trường, thể hiện được ý thức và năng lực hành động trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, vận động người khác cùng tham gia bảo vệ môi trường sống.

- Tài liệu chính:

+ Bộ môn Khoa học môi trường, Trường Đại học Tiền Giang (2014), *Tập bài giảng Con người và môi trường*.

+ Đinh Đức Trường (2021), *Giáo trình Môi trường và Con người*, NXB Tài Chính.

Tài liệu tham khảo:

Lê Văn Khoa (chủ biên) (2010), *Con người và môi trường*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3.17. Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (MHP 17592)

- Số tín chỉ: 1 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những kiến thức chung về ứng dụng CNTT và ứng dụng của nó trong giáo dục. Học phần hướng dẫn sinh viên có khả năng ứng dụng CNTT để giải quyết một số vấn đề trong giáo dục và định hướng việc ứng dụng CNTT phù hợp theo nhu cầu.

- Tài liệu chính:

+ Từ Minh Phương (chủ biên) (2017), *Nhập môn trí tuệ nhân tạo*, NXB Thông tin và truyền thông.

+ Hoàng Thị Lan Giao (chủ biên) (2018), *Giáo trình trí tuệ nhân tạo*, NXB ĐH Huế.

- Tài liệu tham khảo:

Bernard Mark (2021) (biên dịch Huỳnh Hữu Tài, *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để dẫn đầu*, NXB Văn hoá – Văn nghệ.

3.18. Tin học ứng dụng cơ bản (MHP 30053)

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học vận dụng được các kỹ năng Công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin quy định tại Điều 2 Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền

thông ngày 11 tháng 03 năm 2014 bao gồm: công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính cơ bản, xử lý văn bản cơ bản, sử dụng bảng tính cơ bản, sử dụng trình chiếu cơ bản và sử dụng Internet cơ bản. Qua học phần này, sinh viên nhận biết được các năng lực số (Digital Literacy) cơ bản để giao tiếp, học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường số.

- Tài liệu chính:

+ Khoa Công nghệ thông tin (2018), *Bài giảng Tin học ứng dụng cơ bản*, Trường Đại học Tiền Giang.

+ Bộ Thông tin và Truyền thông (2014), *Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, Mô đun 1 đến Mô đun 6* (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014).

- Tài liệu tham khảo:

+ Rusen, Ciprian Adrian (2015), *IC3 Internet and Computing Core Certification Global Standard 4: Study guide*, Sybex.

+ Joe Habraken (2018), *Microsoft Office 2019 Inside Out*, Microsoft Press.

+ Peter Weverka (2018), *Office 2019 All-in-One For Dummies*, For Dummies.

+ Eric Butow (2020), *MCA Microsoft Office Specialist Complete Study Guide*, Sybex.

+ Linda Foulkes (2020), *Learn Microsoft Office 2019*, Packt Publishing Ltd.

3.19. Thẻ đục điền kinh (MHP 12371)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thẻ đục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thẻ đục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thẻ đục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng: Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện các bài tập hỗ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Anh Tuấn (2018), *Giáo trình thẻ đục, điền kinh*, NXB ĐHQG HN.

- Tài liệu tham khảo:

+ Trịnh Trung Hiếu (1993), *Hướng dẫn giảng dạy TDTT Trong trường Trung học cơ sở*, NXB TDTT.

+ Dương Nghiệp Chí (1996), *Điền kinh sách giáo khoa dùng cho sinh viên Đại học TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.

+ *Luật điền kinh (2010)*, NXB TDTT Hà Nội.

3.20. Đá cầu 1 (MHP 12271)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thẻ đục và điền kinh (MHP 12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; sinh viên được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu chính:

Đào Thị Hoa Quỳnh (2019), *Giáo trình Đá cầu*, NXB Thể dục – Thể thao.

- Tài liệu tham khảo:

+ *Luật đá cầu* (2010), NXB TDTT

+ Trịnh Trung Hiếu (1993), *Hướng dẫn giảng dạy TDTT trong trường Trung học cơ sở*, NXB TDTT.

3.21. Bóng chuyên 1 (MHP 12391)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (MHP 12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyên; ý nghĩa tác dụng bóng chuyên đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên (đệm bóng, chuyên bóng, phát bóng), sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyên.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Việt Hoà (2019), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB Thể dục - Thể thao.

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Việt Minh (2010), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB Đại học Sư phạm TPHCM.

+ Nguyễn Văn Hùng (1997), *Luật Bóng chuyên – Luật bóng chuyên bãi biển*, NXB TDTT.

+ Nguyễn Văn Hùng (2011), *Luật bóng chuyên 2011- FIVB*, NXB TDTT.

+ Trịnh Trung Hiếu (1993), *Hướng dẫn giảng dạy TDTT trong trường Trung học cơ sở*, NXB TDTT.

3.22. Cầu lông 1 (MHP 12401)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (MHP 12371)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật cầu lông.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Văn Đức (2019), *Giáo trình cầu lông*, NXB Thể dục - Thể thao.

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Văn Sơn (2018), *Giáo trình cầu lông*, NXB Đại học Quốc Gia, Hà Nội.

+ Bành Mỹ Lệ - Hậu Chí Khanh (2000), *Cầu lông*, Sách dùng cho sinh viên Đại học TDTT, NXB TDTT – Hà Nội.

+ Trịnh Trung Hiếu (1993), *Hướng dẫn giảng dạy TDTT Trong trường Trung học cơ sở*, NXB TDTT.

+ *Luật cầu lông* (2010), NXB TDTT, Hà Nội.

3.23. Bóng rổ 1 (MHP 12411)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và điền kinh (MHP 12371)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Văn Đức (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB Thể dục – Thể thao.

- Tài liệu tham khảo:

+ Lý Thị Ánh Tuyết (chủ biên) (2016), *Giáo trình môn Bóng rổ*, NXB ĐHQG, Hà Nội.

+ *Kỹ thuật Bóng rổ* (2000), NXB TDTT, Hà Nội.

+ *Luật Bóng rổ* (2020), LĐBRVN-SỐ 383/QĐ-VBF, Hà Nội.

3.24. Đá cầu 2 (MHP 12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Đá cầu 1 (MHP 12271)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu chính:

Đào Thị Hoa Quỳnh (2019), *Giáo trình Đá cầu*, NXB Thể dục – Thể thao.

- Tài liệu tham khảo:

+ *Luật đá cầu* (2018), NXB TDTT

+ Trịnh Trung Hiếu (1993), *Hướng dẫn giảng dạy TDTT trong trường Trung học cơ sở*, NXB TDTT.

3.25. Bóng chuyền 2 (MHP 12441)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyền 1 (MHP 12391)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày kiến thức cơ bản như: luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ

bản;chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyên làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Việt Hoà (2019), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB TD-TT.

- Tài liệu tham khảo:

+ Trịnh Trung Hiếu (1993), *Hướng dẫn giảng dạy TDTT trong trường Trung học cơ sở*, NXB TDTT.

+ *Luật bóng chuyên (2010)*, NXB TDTT Hà Nội.

+ *101 bài luyện tập môn bóng chuyên (2005)*, NXB Trẻ.

3.26. Cầu lông 2 (MHP 12481)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Cầu lông 1 (MHP 12401)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; sinh viên được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Văn Đức (2019), *Giáo trình cầu lông*, NXB Thể dục - Thể thao.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bành Mỹ Lệ - Hậu Chí Khanh (2000), *Cầu lông – Sách dùng cho sinh viên Đại học TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.

+ Trịnh Trung Hiếu (1993), *Hướng dẫn giảng dạy TDTT trong trường Trung học cơ sở*, NXB TDTT năm 1993.

+ *Luật cầu lông (2010)*, NXB TDTT Hà Nội.

3.27. Bóng rổ 2 (MHP 12461)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng rổ 1 (MHP 12411)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; sinh viên rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Văn Đức (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB Thể dục – Thể thao.

- Tài liệu tham khảo:

+ *Giáo trình huấn luyện và giảng dạy môn Bóng rổ (2007)*, NXB TDTT, Hà Nội.

+ Lý Thị Ánh Tuyết (chủ biên) (2018), *Giáo trình môn Bóng rổ*, NXB ĐHQG, Hà Nội.

3.28. Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

Thực hiện theo chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ban hành theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

3.29. Kỹ năng mềm (MHP 05052)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày khái niệm kỹ năng mềm, đặc điểm và phân loại kỹ năng mềm. Vai trò của kỹ năng mềm đối với sinh viên đại học. Hướng dẫn sinh viên rèn luyện các kỹ năng cơ bản: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tư duy sáng tạo.

- Tài liệu chính:

+ Huỳnh Văn Sơn chủ biên (2022), *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

+ Wiley Blackwell – Acacia C. Parks – Stephen M. Schueller (Cánh Diều và cộng sự dịch) (2021), *Tâm lý học tích cực*, NXB ĐHQG Hà Nội.

+ Phạm Thành Nghị (2013), *Tâm lý học sáng tạo*, NXB ĐHQG Hà Nội.

+ Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà, Trịnh Thúy Giang (2014), *Giáo trình chuyên đề: Giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học sư phạm.

+ Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương pháp giáo dục giá trị kỹ năng sống*, NXB Đại học sư phạm.

3.30. Tâm lý học đại cương (MHP 15062)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những vấn đề cơ bản về khoa học tâm lý: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý. Phân tích sự phát triển tâm lý con người thông qua hoạt động, giao tiếp. Phân tích sự phát triển các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ. Giải thích được tình cảm và các quy luật tình cảm của con người. Định hướng người học tìm hiểu khái niệm nhân cách, cấu trúc nhân cách, lập kế hoạch phát triển nhân cách.

- Tài liệu chính: Nguyễn Thị Tú (chủ biên) (2019), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP TP.HCM.

- Tài liệu tham khảo

+ Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Tâm lý học đại cương*, NXB Công an nhân dân.

+ Nguyễn Quan Uẩn, Trần Trọng Thủy (2004), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

- + Nguyễn Ngọc Bích (2004), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Giáo dục.
- + Robert J. Sternberg (1999), *Cognitive psychology* (second edition, Harcourt Brace).

3.31. Giáo dục học đại cương (MHP 15292)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương (15062)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các phạm trù cơ bản của khoa học giáo dục và xu hướng phát triển của giáo dục Việt Nam và trên thế giới. Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Lý luận cơ bản về dạy học và giáo dục. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục và những con đường giáo dục cơ bản trong nhà trường: dạy học, tổ chức các hoạt động lao động, xã hội, tập thể, vui chơi và nghiên cứu khoa học.

- Tài liệu chính: Trần Thị Hương (chủ biên) (2022), *Giáo dục học đại cương*, NXB ĐHSP TPHCM.

- Tài liệu tham khảo
- + Phan Hồng Vinh (chủ biên) (2022), *Giáo dục học*, NXB ĐHSP
- + Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3.32. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 (MHP 15301)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1 (MHP 15401)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học rèn luyện phương pháp học tập, rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, đặc biệt khi giao tiếp với trẻ mầm non (từ 03 tháng đến 06 tuổi), phụ huynh, đồng nghiệp. Hướng dẫn sinh viên tổ chức hoạt động giáo dục phát triển 05 lĩnh vực, hướng nghiệp và đánh giá sự phát triển các lĩnh vực của trẻ mầm non.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thùy (2022), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

+ Trường Đại học Tiền Giang (2022), *Quy chế thực hành, thực tập sư phạm ngành Giáo dục mầm non*.

- Tài liệu tham khảo:

+ Martin Kregel (Ngân Hà dịch) (2017), *Đại học hay học “đại”*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

+ Bob Smale, Julie Fowlie (2021), *Để thành công ở trường đại học: Phát triển, hoàn thiện kỹ năng cá nhân và kỹ năng học thuật*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

+ Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn (2017), *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

+ Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Anh Phước, Vũ Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Hải Thiên (2021), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

3.33. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và nghiên cứu trẻ em (MHP 15372)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học tìm hiểu những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học; quá trình thực hiện một đề tài khoa học về trẻ em; các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với trẻ mầm non; cách nhận xét, đánh giá và phản biện một đề tài khoa học; thực hành đề tài nghiên cứu khoa học gắn với chuyên ngành Mầm non.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Ánh Tuyết, Đinh Văn Vang, Lê Thị Kim Anh (2018), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Đoàn Văn Điều (2016), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB ĐHSP TP HCM.

+ Vũ Cao Đàm (2014), *Giáo trình Phương pháp luận NCKH*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

+ Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.34. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 (MHP 15461)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích và thực hành các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: kỹ năng phát âm, sửa lỗi phát âm và kỹ năng trình bày chữ viết trên giấy và bảng. Phân tích các bước lập kế hoạch giáo dục.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thủy (2020), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Dương Giáng Thiên Hương, Vũ Thị Lan Anh, Ngô Vũ Thu Hằng, Quản Hà Hưng, Nguyễn Thị Phương (2021), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Tiểu học*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Module GVPT 04: Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*.

3.35. Mỹ thuật (MHP 17083)

- Số tín chỉ: 3 TC (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học trình bày những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình. Kiến thức và kỹ năng thể hiện về luật xa gần, hình họa, màu sắc, bố cục, tỷ lệ người, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé-cắt-dán, kẻ cắt chữ, nặn; trang trí trường lớp mầm non. Những vấn đề chung về kỹ thuật làm đồ chơi: Ý nghĩa của đồ chơi đối với trẻ nhỏ; những yêu cầu khoa học đối với đồ chơi dùng cho trẻ nhỏ; nguyên tắc làm đồ chơi; kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau.

- Tài liệu chính:

+ Lê Đình Bình (2018), *Hoạt động tạo hình (quyển 1)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

+ Phạm Thị Chinh, Trần Tiểu Lâm (2018), *Mỹ thuật*, NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Ngô Túy Phương, Trần Hữu Tri, Nguyễn Thu Yên (2004), *Những bài mẫu trang trí*, NXB Giáo dục.

+ Ngô Bá Công (2022), *Mỹ thuật cơ bản*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

3.36. Âm nhạc và múa (MHP 17093)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày nhạc lý cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, nhịp, phách, các loại nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm, sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc, các ký hiệu. Tập đọc nhạc: Tập đọc điệu thức trưởng, điệu thức thứ. Kỹ thuật ca hát cơ bản (sơ lược bộ máy phát âm, hơi thở, hơi thở ca hát, bài tập luyện thanh, tư thế ca hát thông thường); động tác giữ nhịp, dàn dựng bài hát; học các bài hát phù hợp với chương trình GDMN. Múa cơ bản: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa; một số kỹ năng múa các động tác dân gian cơ bản.

- Tài liệu chính:

+ Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu (2018), *Âm nhạc và múa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Hoàng Văn Yên (2002), *Trẻ mầm non ca hát*, Vụ Giáo dục mầm non, NXB Âm nhạc.

+ Trần Minh Trí (2007), *Giáo trình múa (tập 2)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3.37. Sự phát triển thể chất trẻ mầm non (MHP 17122)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những kiến thức cơ bản về cấu tạo chung của cơ thể, quá trình phát triển của cơ thể, các chỉ số đánh giá phát triển thể chất của cơ thể, các quy luật sinh trưởng và phát triển cơ thể, các

giai đoạn phát triển của cơ thể. Đặc điểm cấu tạo và cơ chế hoạt động của các hệ cơ quan của cơ thể (hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết, hệ nội tiết và sinh dục, hệ vận động, hệ thần kinh và các cơ quan phân tích). Vệ sinh, chăm sóc và bảo vệ các hệ cơ quan (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh) trong cơ thể.

- Tài liệu chính:

Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2018), *Giáo trình Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Giáo Dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Lê Thanh Vân (2015), *Giáo trình sinh lí học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Trịnh Xuân Đàn (2018), Bài giảng Giải phẫu học, tập 1, tập 2, NXB Y học Hà Nội

+ A.N. Kabanop và A.P. Tsabopxkaia, *Giải phẫu sinh lý vệ sinh trẻ em tuổi nhà trẻ mẫu giáo*, NXB Y Học, 1978.

3.38. Vệ sinh - Dinh dưỡng trẻ em (MHP 17133)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Sự phát triển thể chất trẻ mầm non (MHP 17122)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những kiến thức cơ bản về vệ sinh học: Vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ký sinh ở người; ký sinh trùng và các biện pháp phòng tránh; đại cương về nhiễm khuẩn, bệnh truyền nhiễm và miễn dịch; các biện pháp diệt khuẩn và ứng dụng trong các cơ sở GDMN. Yêu cầu và chế độ vệ sinh ở trường mầm non (vệ sinh về xây dựng; vệ sinh trang thiết bị; vệ sinh chăm sóc trẻ); Trình bày khái niệm về dinh dưỡng; dinh dưỡng hợp lý và tầm quan trọng của dinh dưỡng hợp lý; năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể; một số bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ do dinh dưỡng không hợp lý; giá trị dinh dưỡng của thực phẩm, cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng; an toàn vệ sinh thực phẩm. Giáo dục dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi: Xây dựng khẩu phần ăn và thức ăn.

- Tài liệu chính:

Đặng Thị Thu Hà (chủ biên) (2020), *Giáo trình vệ sinh - dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHQG, Hà Nội

- Tài liệu tham khảo:

+ Phạm Duy Tường (2020), *Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

+ Hoàng Thị Phương (2018), *Vệ sinh trẻ em*, NXB ĐHSP

+ Nguyễn Thị Thanh Thủy (Hiệu đính: BS Vũ Thị Kim Hoa) (2018), *Cẩm nang sơ cứu*, NXB Kim Đồng

+ Đào Thị Minh Tâm (2010), *Dinh dưỡng trẻ em*, NXB ĐHSP TP Hồ Chí Minh

+ Vũ Yên Khanh - Phạm Mai Chi - Nguyễn Thị Hồng Thu (2015), *Các*

hoạt động giáo dục dinh dưỡng- sức khỏe cho trẻ mầm non, NXB Giáo dục Việt Nam

+ Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân (2008), *Giáo trình Vệ sinh - Dinh dưỡng*, NXB Giáo dục.

+ Hoàng Thị Phương (2008), *Giáo trình Vệ sinh trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Việt Điền (2013), *Chăm sóc đúng cách sức khỏe - Dinh dưỡng cho trẻ nhỏ*, NXB Phụ nữ.

3.39. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn (MHP 17142)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Sự phát triển thể chất trẻ mầm non (MHP 17122)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày các bệnh thường gặp ở trẻ em; sơ cứu ban đầu và cấp cứu khẩn cấp thường gặp; thuốc và cách sử dụng thuốc trong trường mầm non. Phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và giáo dục vệ sinh an toàn cho trẻ trong trường mầm non.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Thị Phong, Đặng Thị Thu Hà (2020), *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ*, NXB ĐHQG

- Tài liệu tham khảo:

+ Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân (2011), *Giáo trình Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN*, NXB Giáo dục.

+ Nguyễn Thị Thanh Thủy (2018), *Cẩm nang Sơ cứu*, NXB Kim Đồng.

+ Hoàng Thị Phương (2015), *Giáo trình Vệ sinh trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.

+ Phạm Thị Nhuận (2014), *Giáo trình phòng bệnh cho trẻ mầm non*, NXB Văn hóa - văn nghệ.

3.40. Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Giáo dục học mầm non (MHP 17313).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày chương trình GDMN (cách tiếp cận, nguyên tắc và các bước phát triển); phân tích chương trình GDMN. Các điều kiện thực hiện chương trình (yếu tố con người, cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất). Hướng dẫn cách thức phát triển chương trình, lập kế hoạch giáo dục, thiết kế môi trường học tập và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm và tích hợp, đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

- Tài liệu chính:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* ban hành theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Nguyễn Bá Minh (2021), *Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non – Hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non* (Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non), NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

Trương Thị Hiên (2021), *Giáo án tổ chức hoạt động giáo dục lĩnh vực phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non – Theo Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục.

3.41. Tổ chức hoạt động tạo hình (MHP 17172)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích ý nghĩa của hoạt động tạo hình (HĐTH) với sự phát triển trẻ toàn diện; Đặc điểm HĐTH của trẻ nhà trẻ và mẫu giáo; GD thẩm mỹ cho trẻ thông qua các phương tiện HĐTH; Nội dung và các thể loại HĐTH của trẻ mầm non. Tổ chức hoạt động tạo hình trong các cơ sở GDMN; Vị trí của HĐ tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ trong CTGDMN; Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức HĐ tạo hình. Hướng dẫn lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá HĐ tạo hình, sáng tạo thẩm mỹ của trẻ theo CTGDMN.

- Tài liệu chính: Lê Thị Thanh Thủy (2019), *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Lê Thị Thanh Bình (2016), *Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non*, ban hành theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.42. Tổ chức hoạt động âm nhạc (MHP 17182)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích nghĩa của âm nhạc đối với trẻ. Đặc điểm cảm thụ và năng lực âm nhạc, mùa của lứa tuổi mầm non. Vị trí của hoạt động âm nhạc trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện giáo dục âm nhạc ở trường mầm non. Hình thức và các thể loại tổ chức hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non: Ca hát,

nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc

- Tài liệu chính:

+ Hoàng Công Dụng, Trần Chinh (2014), *Tổ chức cho trẻ mầm non vận động theo nhạc và múa minh họa theo chủ đề*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

+ Phạm Thị Hòa (2009), *Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* ban hành theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.43. Tổ chức hoạt động vui chơi (MHP 17192)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Sự học và Sự phát triển tâm lý trẻ mầm non 1 (MHP 17363)

- Học phần song hành: Sự học và Sự phát triển tâm lý trẻ mầm non 2 (MHP 17372)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những vấn đề cơ bản về trò chơi trẻ em: Khái niệm hoạt động vui chơi. Các loại trò chơi của trẻ em. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi. Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trong độ tuổi mầm non: Trò chơi giả bộ (trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai) trò chơi xây dựng, trò chơi có luật. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ; Trình bày vị trí hoạt động vui chơi trong chương trình GDMN. Vai trò của người lớn đối với sự phát triển hoạt động vui chơi của trẻ. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi. Ý nghĩa, nội dung phương pháp và hình thức tổ chức các thời điểm vui chơi trong ngày của trẻ. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non

- Tài liệu chính:

+ Đinh Văn Vang (2018), *Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ Mầm non*, NXB GDVN.

+ Thanh Hà (2006), *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non*, NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2004), *Giáo dục học mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

3.44. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (MHP 17212)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình GDMN (MHP 17163)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích khái niệm về phương pháp phát triển ngôn ngữ, nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ; Chuẩn ngữ âm tiếng Việt, hình thành và phát triển vốn từ, dạy trẻ sử dụng mẫu câu tiếng Việt, phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ, cho trẻ làm quen

với tác phẩm văn chương, chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học.

- Tài liệu chính:

Đình Hồng Thái (2013), *Giáo trình Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*, NXB ĐHSP

- Tài liệu tham khảo:

+ Đình Hồng Thái (2008), *Giáo trình Phát triển ngôn ngữ cho trẻ em*, NXB ĐHSP

+ Đình Hồng Thái, Trần Thị Mai (2014), *Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*-dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non, NXB GDVN

+ Nguyễn Thị Phương Nga (2011), *Giáo trình Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, NXB ĐHSP TP.HCM

+ Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2014), *Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen tác phẩm văn học*-dành cho hệ cao đẳng giáo dục mầm non, NXB GDVN.

+ dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB GDVN

+ Đặng Thu Quỳnh (2020), *Trò chơi với chữ cái và phát triển ngôn ngữ*, NXB GDVN.

3.45. Phương pháp hình thành biểu tượng Toán cho trẻ mầm non (MHP 17222)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những vấn đề chung về ý nghĩa, vai trò của việc hình thành biểu tượng toán sơ đẳng; các khái niệm cơ bản trong phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng; nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và tiến trình hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ trong trường mầm non.

- Tài liệu chính:

Đỗ Thị Minh Liên (2021), *Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non*, Nhà xuất bản Đại Học Sư Phạm Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Đào Như Trang (1997), *Bài soạn hướng dẫn trẻ mẫu giáo làm quen với các biểu tượng ban đầu về toán*, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia.

+ Đình Thị Nhung (2000), *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo*, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia.

3.46. Phương pháp dạy trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh (MHP 17242)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những vấn đề lý luận cơ bản: Một số khái niệm (môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội); ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh; đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh; cơ sở giáo dục học của việc khám phá khoa học và môi trường xung quanh (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh). Tổ chức khám phá khoa học và môi trường xung quanh, giáo dục tình cảm – xã hội, ý thức đối với môi trường cho trẻ ở trường mầm non: Môi trường thiên nhiên gần gũi (động vật, thực vật và hiện tượng thiên nhiên) và môi trường xã hội.

- Tài liệu chính:

Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2018), *Giáo trình phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh*, NXB Giáo Dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Hoàng Thị Phương (2009), *Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Nga (2011), *Các hoạt động khám phá khoa học của trẻ MN*, NXBGD Việt Nam.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* ban hành theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.47. Phương pháp dạy trẻ làm quen văn học (MHP 17252)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày vị trí của văn học trong giáo dục trẻ; văn học dân gian, văn học thiếu nhi trong và ngoài nước. Đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ em. Vai trò của đọc kể diễn cảm trong việc phát triển hoạt động ngôn ngữ nghệ thuật của trẻ em lứa tuổi mầm non: Chất giọng, logic đọc, ngữ điệu, ngắt nghỉ giọng, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lấy hơi. Cách thức thể hiện các loại hình văn học: Đọc thơ, đọc và kể chuyện, sân khấu hóa các loại hình văn học. Nhiệm vụ của việc cho trẻ tiếp xúc với văn học: Lập kế hoạch, đánh giá, phương pháp, biện pháp và hình thức đọc thơ, kể chuyện cho trẻ nghe; phương pháp và hình thức dạy trẻ thể hiện các tác phẩm văn học.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt (2022), *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Thúy Quỳnh, Phương Thảo (2008), *Tuyển chọn thơ ca - truyện kể - câu đố cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* ban hành theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.48. Nghề giáo viên mầm non và giáo dục gia đình (MHP 17302)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích nghề và nghề GVMN, nhiệm vụ của giáo viên trong trường mầm non, hoạt động sư phạm của GVMN. Nghiên cứu về nhân cách của người GVMN, chuẩn nghề nghiệp của người GVMN, hoạt động học tập và rèn luyện hình thành nhân cách của người giáo viên. khái niệm về gia đình, các chức năng cơ bản của gia đình, các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình. Nghiên cứu về mục tiêu giáo dục con trong gia đình, nội dung và phương pháp giáo dục con từ đến tuổi học tiểu học, giáo dục con là học sinh; trình bày mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội.

- Tài liệu chính:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non* (Quyết định số 26/2018/TT BGDĐT ngày 08/10/2018).

+ Hồ Lam Hồng (2018), *Nghề giáo viên mầm non*, NXB Giáo dục.

+ Ngô Công Hoàn (2018), *Giáo dục gia đình*, NXB Giáo dục.

3.49. Giáo dục mầm non (MHP 17313)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Giáo dục học đại cương (MHP 15292).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày đối tượng và phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non (GDHMN); giáo dục và phát triển; mục đích và nhiệm vụ của GDHMN; chương trình GDMN. Bản chất, nội dung, nguyên tắc, hình thức, phương pháp và các điều kiện giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ và lứa tuổi mẫu giáo; giáo dục trong hoạt động; các dạng hoạt động cơ bản của trẻ mầmnon: Hoạt động vui chơi, hoạt động học – nhận thức, lao động, hoạt động nghệ thuật, giao tiếp; phương pháp tổ chức các hoạt động của trẻ. Tổ chức cuộc sống của trẻ trong các cơ sở GDMN; nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình; tính kế thừa của GDMN và giáo dục tiểu học.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Thị Hòa (2018), *Giáo dục học mầm non*, Nhà xuất bản ĐHSP.

- Tài liệu tham khảo:

Đình Văn Vang (2008), *Giáo dục học mầm non* (Dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non), Nhà xuất bản giáo dục.

3.50. Đánh giá trong giáo dục mầm non (MHP 17332)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình GDMN và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích lý luận cơ bản về đánh giá trong GDMN; Đánh giá chất lượng và đánh giá chương trình GD của cơ sở GDMN; Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của GVMN; Đánh giá sự phát triển của trẻ; Thiết kế công cụ đo lường và đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ; Cách thức xử lý số liệu đánh giá.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Mạnh Tuấn, Phạm Thị Diệu Thuý (2019), *Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non*, NXB ĐHSP

+ Bùi Thị Việt (2016), *Đánh giá trong giáo dục mầm non*, NXB GDVN

+ Nguyễn Thị Kim Anh (2015), *Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non*, NXB VH-NT, Bộ GD và Đào tạo, Trường cao đẳng sư phạm trung ương TP.HCM.

3.51. Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ mầm non 1 (MHP 17363)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương (MHP 15062).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày những vấn đề chung về sự phát triển tâm lý trẻ em, quy luật phát triển tâm lý trẻ em. Đặc điểm phát triển tâm lý, hoạt động chủ đạo của trẻ em từ giai đoạn bào thai đến 03 tuổi. Một số nội dung cơ bản về tâm lý giáo dục mầm non. Phương pháp nghiên cứu, đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai (2018), *Giáo trình sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Giáo dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Dương Thị Diệu Hoa (2008), *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

+ Nguyễn Ánh Tuyết (2002), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

+ Đinh Thị Tứ, Phan Trọng Ngọc (2008), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, tập 1, NXB Giáo dục, TP HCM.

3.52. Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ mầm non 2 (MHP 17372)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ mầm non 1 (MHP 17363)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo; Phát triển tâm vận động của trẻ mẫu giáo; Sự hình thành và phát triển mặt xã hội trong nhân cách trẻ mẫu giáo; Sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo;

Đạy và học trong giáo dục mầm non; Chuẩn bị sẵn sàng tâm lý cho trẻ vào trường tiểu học.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai (2018), *Giáo trình sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Giáo Dục.

- Tài liệu tham khảo:

+ Nguyễn Ánh Tuyết (2012), *Giáo trình Tâm lý học trẻ em, tập 2*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ V.X. Mukhina (1980), *Tâm lý học mẫu giáo*, tập 2, NXB Giáo dục.

3.53. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (MHP 17402)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163).

- Mô tả: Sau khi học xong học phần, người học phân tích lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: Nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động. Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

- Tài liệu chính:

+ Đặng Hồng Phương (2018), *Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

+ Đặng Hồng Phương (2009), *Lý luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* ban hành theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.54. Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non (MHP 17442)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chương trình Giáo dục mầm non và phát triển tổ chức thực hiện chương trình (MHP 17163)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích sự phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ MN; Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ MN; Hướng dẫn lập kế hoạch và đánh

giá hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ MN; Bài tập thực hành tổ chức hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội của trẻ MN

- Tài liệu chính:

+ Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* (Ban hành theo thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 24/1/2017 của Bộ GD và ĐT)

+ Lương Thị Bình - Phan Lan Anh (2011), *Các hoạt động giáo dục TC-KNXH cho trẻ MN*, NXB GDVN

- Tài liệu tham khảo:

+ Lê Bích Ngọc (2020), Module MN 39 - *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ MG*.

+ Mai Hiền Lê (2010), *Kỹ năng sống của trẻ mẫu giáo lớn trường mầm non thực hành Tp.HCM*, luận văn thạc sĩ.

+ Judi Bo, W. Steve Barnett, Elena Bodrova, Deborrah J. Leong and Deanna Gomby (2005), *Promoting children's Social and emotional development through preschool education*, National Institute for Early Education Research, Tel 732932-4350; Fax 732 932-4360

+ The Pennsylvania State University (2017), *Promoting social and emotional learning in preschool - Programs and Practices that Work*, Robert Wood Johnson Foundation.

+ Emel Arslan, Neslihan Durmusglu-Saltali and Hasan Yilmaz (2011), *Social skills and emotional and behavioral traits of preschool children*, Selcuk University, Turkey.

3.55. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non (MHP 17272)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày một số vấn đề tâm lý học có liên quan đến việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học. Các mô hình dạy học với sự hỗ trợ của máy tính. Lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; Hướng dẫn sinh viên thực hiện các thao tác cơ bản: Sử dụng email, lưu trữ trực tuyến, sử dụng các nguồn tài nguyên mở, thủ thuật tìm kiếm, các phần mềm hỗ trợ khai thác tài nguyên trên internet; Hướng dẫn sinh viên sử dụng được các phần mềm hỗ trợ dạy học: MS PowerPoint, VIOLET, Edraw Mind; Hướng dẫn sinh viên sử dụng được các phần mềm chỉnh sửa video: Any Video Converter, OpenShot, ...; Hướng dẫn sinh viên sử dụng được các phần mềm giảng dạy trực tuyến: Zoom, Cisco WebEx, Google Meets, ...

- Tài liệu chính:

+ Trần Đức Thuận, *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học Tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

+ Microsoft Team, *Microsoft Office Professional 2013 Step by Step*, Microsoft Press, 2013

+ Tài liệu trực tuyến hướng dẫn sử dụng các phần mềm Violet, Edraw Mind Map, Any Video Converter, OpenShot, Zoom.

3.56. Giáo dục hoà nhập (MHP 17312)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Giáo dục mầm non (MHP 15292)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục hoà nhập cho trẻ mầm non; Giáo dục hoà nhập trên thế giới và ở Việt Nam. Nguyên tắc giáo dục hoà nhập ở trường mầm non; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hoà nhập; Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ mầm non; Nhận diện, phân loại và giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non.

- Tài liệu chính:

+ Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thuý Hằng (2021), *Giáo trình Giáo dục hoà nhập* – dành cho hệ cao đẳng giáo dục mầm non, NXB GDVN

+ Lã Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lam, Hoàng Thị Nho (2018), *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật trẻ mầm non*, NXB ĐHSP.

3.57. Quản lý trong giáo dục mầm non (MHP 17322)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày các khái niệm cơ bản về quản lý và quản lý giáo dục trong trường mầm non hiện nay; xác định mục tiêu, chức năng, nguyên tắc, phương pháp, quá trình, hình thức... quản lý giáo dục; cung cấp một số vấn đề trọng tâm trong công tác quản lý trường mầm non. Công tác quản lý trường mầm non: Giới thiệu vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn của trường mầm non, những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ quản lý của hiệu trưởng trường mầm non. Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non: Một số đặc điểm lao động sư phạm, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên mầm non; công tác quản lý nhóm lớp của giáo viên trong trường mầm non.

- Tài liệu chính:

+ Phạm Thị Châu (2018), *Quản lý giáo dục Mầm non*, Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam

+ Học viện Quản lý Giáo dục (2021), *Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non*.

3.58. Phát triển tính tích cực hoạt động cho trẻ mầm non (MHP 17602)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Giáo dục mầm non (MHP 17313)
- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến tính tích cực vận động trong việc phát triển thể chất cho trẻ mầm non bao gồm: đặc điểm tâm vận động trong quá trình phát triển, đặc điểm tích cực vận động của trẻ mầm non, kỹ năng đánh giá sự tích cực vận động của trẻ, cùng với việc lựa chọn và áp dụng những biện pháp nâng cao tính tích cực

vận động trong hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non.

- Tài liệu chính:

+ Nguyễn Bá Minh, Bùi Thị Việt (2018), *Hướng dẫn tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ ở trường mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.

+ Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Bùi Thị Việt (2016), *Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển vận động*, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bùi Thị Việt (2020), *Hướng dẫn Bài tập phát triển chung cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam

+ Nguyễn Sinh Thảo (2014), *Các hoạt động phát triển vận động của trẻ mầm non* (theo chương trình giáo dục mầm non mới), NXB Giáo dục Việt Nam.

3.59. Thiết kế trò chơi học tập (MHP 17612)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Tổ chức hoạt động vui chơi (MHP 17192)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày kiến thức, kỹ năng về thiết kế các trò chơi học tập dành cho trẻ mầm non ở các độ tuổi khác nhau; sinh viên được tìm hiểu về vai trò của trò chơi học tập đối với sự phát triển của trẻ và các hoạt động học tập ở trường mầm non, khái niệm trò chơi học tập, phân loại, cấu trúc, nội dung, chủ đề của trò chơi học tập; thiết kế, tổ chức thực hiện và sáng tạo các trò chơi học tập dành cho trẻ mầm non.

- Tài liệu chính:

Nguyễn Thị Thanh Hà (2020), *Tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non*, NXB GDVN.

3.60. Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa theo bài hát (MHP 17152)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Âm nhạc và múa (MHP 17093)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học rèn luyện các kỹ thuật luyện thanh và điều tiết hơi thở trong ca hát. Một số kỹ thuật ca hát và cách luyện tập. Ứng dụng thể hiện các kỹ thuật ca hát vào bài hát; Biên soạn động tác múa theo nội dung lời ca, bài hát. Biên soạn động tác múa theo giai điệu, tiết tấu bài hát. Biên soạn động tác múa theo nội dung và giai điệu, tiết tấu bài hát

- Tài liệu chính:

+ Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu (2012), *Giáo trình Âm nhạc và múa dành cho hệ cao đẳng giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục.

+ Đinh Xuân Đại, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (2019), *Giáo trình Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc*, NXB Giáo dục.

3.61. Phương pháp dạy năng khiếu âm nhạc cho trẻ mầm non (MHP 17342)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Âm nhạc và Múa (MHP 17093)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày một số vấn đề chung về phát huy tính tích cực sáng tạo của trẻ trong hoạt động âm nhạc; Phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc phát huy tính tích cực sáng tạo cho trẻ; Phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ trong hoạt động âm nhạc.

- Tài liệu chính:

+ Hoàng Công Dụng (2019), *Ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực trong lĩnh vực giáo dục thẩm mỹ* - Tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên mầm non.

+ Nguyễn Thị Hòa (2019), *Giáo trình tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục.

3.62. Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở Trường mầm non (MHP 17352)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày khái niệm, phân loại trẻ có nhu cầu đặc biệt; Sàng lọc và phân tích đặc điểm của trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường Mầm non, bao gồm: khuyết tật trí tuệ, khuyết tật vận động, rối loạn phổ tự kỷ, khó khăn ngôn ngữ và giao tiếp, khiếm thính, khiếm thị, khó khăn về sức khỏe; Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường Mầm non.

- Tài liệu chính:

Dong-Young Chung, Lê Thị Minh Hà (2020), *Nhập môn giáo dục đặc biệt*, NXB ĐHSP TP.HCM

- Tài liệu tham khảo:

Trần Thị Thiệp, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành (2014), *Giáo trình Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật*, NXB ĐHSP.

3.63. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh (MPH 17392)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích, lập kế hoạch được các bài:

Unit 1: An outline of psychology of preschool age

Unit 2: Learning about classroom styles

Introduce some warm-up activities to the students

Unit 3: Psychological background of classification activities

Introduce some techniques for teaching vocabulary and checking vocabulary

Unit 4: Pre-schoolers' play

Unit 5: Benefits of outdoor play

Introduce some techniques for presenting a structure

Unit 6: Suggestions for creating accessible and meaningful outdoor environments

Introduce some techniques for teaching songs

Unit 7: The importance of adult support

Unit 8: Group work

How to carry out a lesson plan

- Tài liệu chính:

+ Nguyen Thuy Oanh & Nguyen Thi Bich Thuy. (2018). *English for Preschool Education Book*. Ho Chi Minh University of Pedagogy.

+ Tiny Talk 1A, B.(2019). *Student's book*. Oxford University Press.

3.64. Phương pháp dạy năng khiếu mỹ thuật cho trẻ mầm non (MHP 17432)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Mỹ thuật (MHP 17083)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày khái niệm tưởng tượng và sáng tạo; Đặc điểm sáng tạo và các cấp độ sáng tạo của trẻ mầm non trong hoạt động tạo hình; Mối quan hệ giữa phát triển sáng tạo trong hoạt động tạo hình và giáo dục toàn diện nhân cách cho trẻ; Định hướng mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình nhằm phát triển sáng tạo cho trẻ. Loại hình nghệ thuật tạo hình phù hợp với trẻ mẫu giáo; Vai trò của hoạt động trải nghiệm đối với trẻ mẫu giáo; Tổ chức hoạt động tạo hình sáng tạo cho trẻ mẫu giáo thông qua mô hình trải nghiệm của David Kolb. Khái niệm, triết lý giáo dục, đặc điểm, lợi ích của mô hình STEAM đối với việc phát triển toàn diện nhân cách và giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo; Ứng dụng mô hình STEAM để thiết kế hoạt động tạo hình sáng tạo cho trẻ.

- Tài liệu chính:

+ Yu Younoak (2018), *Phát triển sáng tạo cho trẻ mầm non*. Tài liệu tập huấn chuyên đề do Trường Đại học Keimung- Hàn Quốc và Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP Hồ Chí Minh phối hợp thực hiện.

+ Nguyễn Thành Hải (2019), *Giáo dục STEM/STEAM từ trải nghiệm thực hành đến tư duy sáng tạo*, NXB Trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

+ Vũ Thị Ngọc Minh (2016), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động tạo hình phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non*. Tài liệu bồi dưỡng chuyên môn hệ của Vụ GDMN.

3.65. Thực hành sư phạm 1 (MHP 17521)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 0, 45, 0)

- Học phần học trước: Giáo dục mầm non (MHP 17313)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học tham quan, kiến tập các cơ sở GDMN tại địa phương. Bước đầu tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của GDMN, hệ

thông tổ chức, loại hình trường, lớp mầm non thông qua báo cáo của hiệu trưởng; hình thành nhận thức ban đầu về tiếp cận tích hợp của chương trình GDMN. Tham gia các buổi dự giờ tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ ở độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo tại các cơ sở GDMN, thực hiện viết bài thu hoạch, bài tập nghiên cứu về quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ GD&ĐT, Quyết định 36/2003/QĐ-BGDĐT ban hành *Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo Giáo viên phổ thông, mầm non.*

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Mạng lưới liên kết giữa trường sư phạm với trường mầm non để tổ chức thực tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục mầm non, bài học kinh nghiệm của Việt Nam và thế giới*, Trường Cao đẳng mẫu giáo trung ương 3, TP.HCM ngày 28 tháng 10 năm 2020.

+ Trường Đại học Tiền Giang (2023), *Kế hoạch thực hành sư phạm 1 (THSP 1)* của khóa học.

3.66. Thực tập sư phạm 1 (MHP 17543)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 135, 0)

- Học phần học trước: Thực hành sư phạm 2 (MHP 17622)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học thực tập sư phạm 1 định hướng sinh viên rèn luyện những kỹ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện 5 hoạt động: nuôi, chăm sóc, giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực tập theo hướng tích hợp. tham gia các hoạt động chuyên môn, hoạt động văn hoá-văn nghệ-thể thao của cơ sở GDMN đang thực tập; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ. Viết bài thu hoạch.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ Giáo dục và đào tạo (2003), *Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo Giáo viên phổ thông, mầm non* theo Quyết định 36/2003/QĐ-BGDĐT

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Mạng lưới liên kết giữa trường sư phạm với trường mầm non để tổ chức thực tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục mầm non, bài học kinh nghiệm của Việt Nam và thế giới*, Trường Cao đẳng mẫu giáo trung ương 3, TP.HCM ngày 28 tháng 10 năm 2020.

+ Trường Đại học Tiền Giang (2023), *Kế hoạch thực tập sư phạm 1 (TTSP 1)* của khóa học.

3.67. Thực tập sư phạm 2 (MHP 17564)

- Số tín chỉ: 4 TC (0, 0, 0, 180, 0)

- Học phần học trước: Thực tập sư phạm 1 (MHP 17543).

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học phân tích đặc điểm tình hình trường lớp thực tập và làm quen trẻ; thực hành như một GVMN tham gia vào 14 hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ. Tham gia hoạt động ngoại khóa tại trường mầm non thực tập; Viết báo cáo thu hoạch vào cuối đợt

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ GD&ĐT, Quyết định 36/2003/QĐ-BGDĐT ban hành *Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo Giáo viên phổ thông, mầm non.*

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Mạng lưới liên kết giữa trường sư phạm với trường mầm non để tổ chức thực tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục mầm non, bài học kinh nghiệm của Việt Nam và thế giới*, Trường Cao đẳng mẫu giáo trung ương 3, TP.HCM ngày 28 tháng 10 năm 2020.

+ Trường Đại học Tiền Giang (2023), *Kế hoạch thực tập sư phạm 2 (TTSP 2) của khóa học.*

3.68. Thực hành sư phạm 2 (MHP 17622)

- Số tín chỉ: 2 TC (0, 0, 30, 45, 0)

- Học phần học trước: Thực hành sư phạm 1 (MHP 17521)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học tham gia vào các hoạt động như: Nghe báo cáo về kết quả hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của cơ sở GDMN. Quan sát, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo hai nhóm tuổi; quản lý nhóm trẻ; làm việc với cha mẹ và cộng đồng; thiết kế môi trường giáo dục. Thực hành tổ chức 03 hoạt động: tổ chức hoạt động vui chơi, chăm sóc - nuôi dưỡng và một số hoạt động học của trẻ ở hai nhóm độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo theo 5 lĩnh vực; làm các bài tập nghiên cứu theo chương trình.

- Tài liệu tham khảo:

+ Bộ GD&ĐT, Quyết định 36/2003/QĐ-BGDĐT ban hành *Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo Giáo viên phổ thông, mầm non.*

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Mạng lưới liên kết giữa trường sư phạm với trường mầm non để tổ chức thực tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành giáo dục mầm non, bài học kinh nghiệm của Việt Nam và thế giới*, Trường Cao đẳng mẫu giáo trung ương 3, TP.HCM ngày 28 tháng 10 năm 2020.

+ Trường Đại học Tiền Giang (2023), *Kế hoạch thực hành sư phạm 2 (THSP 1) của khóa học.*

3.69. Các chuyên đề đổi mới giáo dục mầm non (MHP 17282)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày các triết lý giáo dục, quan điểm, phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới như: thuyết đa trí tuệ, Montessori, Reggio Emilia, học tập trải nghiệm của David Kolb, Dạy học dự án, Stem, steam,...; Các khái niệm, nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức, thiết kế và tổ chức thực hiện. Vận dụng phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới vào trong quá trình tổ chức học tập cho trẻ ở trường mầm non.

- Tài liệu chính:

+ Howard Gardner (2019), *Cơ cấu trí khôn, lý thuyết về nhiều dạng trí khôn*, NXB Tri thức.

+ Maria Montessori - Bùi Nga dịch (2015), *Phương pháp giáo dục Montessori, phát hiện mới về trẻ thơ*, NXB ĐHSP.

3.70. Chuyên đề chuẩn bị cho trẻ vào trường tiểu học (MHP 17632)

- Số tín chỉ: 2 TC (15, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học trình bày các kiến thức kỹ năng về việc chuẩn bị cho trẻ vào trường tiểu học, bao gồm: đặc điểm phát triển của trẻ 5 tuổi; một số vấn đề cơ bản của học sinh tiểu học, những khó khăn của trẻ mầm non chuẩn bị học tiểu học; Định hướng các hoạt động về mặt thể chất, trí tuệ, tình cảm, kỹ năng cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1

- Tài liệu chính:

+ Trường Đại học Vinh (2011), *Giáo trình Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1*, Nghệ An.

+ Thanh Tâm (2010), *Những điều cần thiết cho bé chuẩn bị vào lớp 1*, NXB Văn Hoá - Thông Tin.

3.71. Khoá luận tốt nghiệp (MHP 17574)

- Số tín chỉ: 4 TC (0, 0, 0, 0, 200)

- Học phần học trước: Sau khi học xong học phần, người học thực hiện theo Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang ban hành, điều kiện để SV được xét làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp như sau: Đã tích lũy đủ 75% số TC tích lũy tối thiểu của chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non, trình độ Cao đẳng thiết kế 03 năm(chương trình chính qui); Đạt điểm TBCTL từ loại khá (từ 2,50 điểm) trở lên (trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định); Có đơn đăng ký nộp cho Khoa ngay trong tuần đầu theo lịch đăng ký lớp học phần, phải có ít nhất cán bộ giảng dạy giới thiệu và nhận hướng dẫn.

- Mô tả:

Sau khi học xong học phần, người học xây dựng đề cương nghiên cứu gửi GVHD góp ý và trình bày trước hội đồng xét duyệt đề cương. Hoàn chỉnh đề

cương KLTN theo góp ý. Thực hiện KLTN theo đề cương đã được duyệt, báo cáo tiến độ thực hiện KLTN với GVHD. Viết bản thảo báo cáo tổng hợp KLTN. Chỉnh sửa, hoàn chỉnh báo cáo kết quả KLTN và nộp bài cho GVHD. Trình bày kết quả nghiên cứu KLTN trước Hội đồng thẩm định.

- Tài liệu tham khảo:

+ Các giáo trình, tài liệu học tập các học phần có liên quan.

+ Tài liệu tham khảo có liên quan nội dung nghiên cứu.

4. Sơ đồ đào tạo

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo

5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	- Thuyết trình - Giảng bài - Câu hỏi gợi ý - Trình bày mẫu
Thảo luận (TL)	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	- Tranh luận - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	- Luyện tập kỹ năng - Thực hành, thí nghiệm - Làm việc nhóm - Mô phỏng - Mô hình
Thực tập (TT)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	- Thực tế - Các cuộc thi - Mô phỏng - Mô hình
Đồ án (ĐA)	Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	- Sáng tác - Thiết kế - Dự án nghiên cứu - Đồ án - Tiểu luận, khóa luận
Tự học - tự nghiên cứu (ĐA)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	- Nghiên cứu tài liệu - Nghiên cứu tình huống - Xây dựng ý tưởng - Rèn luyện

7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra													
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm				
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04	
I	Đánh giá quá trình														
1	Kiểm tra tự luận	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
2	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
3	Kiểm tra trắc nghiệm kết hợp với tự luận	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
4	Thực hành					x	X	x	x	x	x	x	x	x	
5	Bài tập lớn	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
6	Chuyên cần, tự học	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
7	Thuyết trình	x	x	x	x						x	x	x	x	
8	Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
II	Đánh giá cuối kỳ														
1	Kiểm tra	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
2	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	
3	Thực hành, vấn đáp	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra												
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
		K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
4	Tiểu luận	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Thực tập	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Khóa luận	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.

8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

TT	Tên các cơ sở thực hành, thực tập	Địa chỉ
1	Trường Mầm non Hoa Hồng	Số 114, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP Mỹ Tho, Tiền Giang ☎ 02733.873 208
2	Trường Mầm non Phước Thạnh	Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, TP Mỹ Tho, Tiền Giang ☎ 02733.618 225
3	Trường Mầm non Tuổi xanh	113 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, TP Mỹ Tho, Tiền Giang. ☎ 0273 3880 555
4	Trường Mầm non Hùng Vương	Số 14, Hùng Vương, Phường 7, TP Mỹ Tho, Tiền Giang ☎ 02733. 873 588
5	Trường Mầm non Hùng Vương 2	Số 290, Lý Thường Kiệt Phường 5, TP Mỹ Tho, Tiền Giang ☎ 02733.874 988

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường

- Tổng diện tích đất của trường: 400.315 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 16,27 m²/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 100.911,025 m²/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	160	18.146
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	2.147

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	1.045
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	9.810
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	3.879
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	180
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	62	11.276
Tổng:		223	33.663

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành CDSP Giáo dục mầm non

TT	Loại phòng học (Phòng thực hành)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	160	18.146	Micro, loa	160	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	160	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	160	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	160	Tất cả học phần
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	2.147	Micro, loa	7	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	7	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	7	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	7	Tất cả học phần

TT	Loại phòng học (Phòng thực hành)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	1.045	Micro, loa	6	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	6	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	6	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	6	Tất cả học phần
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	9.810	Micro, loa	78	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	78	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	78	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	78	Tất cả học phần
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	48	3.879	Micro, loa	48	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	48	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	48	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	48	Tất cả học phần
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	180	Micro, loa	180	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	180	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	180	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	180	Tất cả học phần
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng	19	1.085	Micro, loa	19	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	19	Tất cả học phần

TT	Loại phòng học (Phòng thực hành) viên của cơ sở đào tạo	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần /môn học
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241	Máy chiếu/màn hình LCD	19	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	19	Tất cả học phần
				Micro, loa	1	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	1	Tất cả học phần
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	62	11.276	Máy chiếu/màn hình LCD	1	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	1	Tất cả học phần
				Micro, loa	62	Tất cả học phần
				Máy tính, chuột	62	Tất cả học phần
				Máy chiếu/màn hình LCD	62	Tất cả học phần
				Điều khiển thiết bị	62	Tất cả học phần

Nhận xét chung: Căn cứ Điều 11. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu thuộc Quy định 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2023, Tổ XDCTĐT có nhận xét chung về 3 điểm a), b), đối với ngành CĐSP GDMN: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo phù hợp để đào tạo người học trình độ cao đẳng sư phạm ngành Giáo dục mầm non, hỗ trợ tích cực cho người học đạt được chuẩn đầu ra của ngành CĐSP GDMN.

8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Thị Xuân Anh		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục Mầm non	
2	Nguyễn Thị Bằng Giao		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục Mầm non	

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
3	Nông Khánh Vy		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục Mầm non	
4	Phùng Thị Hà		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục Mầm non	
5	Lý Hồng Nguyệt Quế		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục Mầm non	
6	Bùi Thị Kim Ngân		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
7	Lương Nguyễn Thụy Linh		Thạc sĩ	Giáo dục	Giáo dục Mầm non	
8	Lê Anh Vũ		Đại học	Nghệ thuật (đàn nguyệt)	Giáo dục Mầm non	
9	Đào Thúy Trinh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
10	Huỳnh Hồ Thu Thảo		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
11	Trương Thị Ngọc Phương		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
12	Cao Thị Mộng Thanh Trinh		Thạc sĩ	KHXH&NV (Tâm lý học)	Giáo dục Mầm non	
13	Nguyễn Thị Mai Trang		Đại học	Sư phạm Tin học	Giáo dục Mầm non	
14	Trần Thị Trúc Linh		Đại học	Sư phạm mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
15	Lê Minh Cúc Phương		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
16	Nguyễn Ngọc Lan Hương		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử Mỹ Thuật	Giáo dục Mầm non	
17	Trần Thanh Nguyên		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
18	Trần Văn Quốc		Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo dục Mầm non	
19	Võ Trần Thái		Đại học	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Giáo dục Mầm non	
20	Huỳnh Phong Bá		Đại học	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Giáo dục Mầm non	
21	Lê Thị Sơn		Tiến sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
22	Nguyễn Thị Kim Xuyên		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
23	Lê Thanh Bình		Thạc sĩ	Quản lý và giáo dục	Giáo dục Mầm non	
24	Nguyễn Đại Bình		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
25	Huỳnh Thị Ngọc Linh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
26	Nguyễn Giang Lam		Thạc sĩ	Tâm lí học	Giáo dục Mầm non	
27	Trần Quang Hiền		Thạc sĩ	Vật lý điện tử	Giáo dục Mầm non	

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Ngọc Hoàng Trang	Sở GD&ĐT tỉnh Tiền Giang		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục Mầm non	
2	Nguyễn Quang Khải	Trường CĐ Tiền Giang		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
3	Nguyễn Thành Thêm	Sở VH&TT&DL tỉnh Tiền Giang		Cử nhân	Múa	Giáo dục Mầm non	

c) Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thực hành, thí nghiệm cơ hữu

TT	Họ và tên	Nội dung phụ trách	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Lan	Cố vấn học tập	Cử nhân	Anh văn	
2	Phan Huy Lâm	Quản lý Cố vấn học tập	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	
3	Trần Thị Trúc Linh	Quản lý phòng TH C32 (MN)	Cử nhân	Mỹ thuật	
4	Nguyễn Ngọc Lan Hương	Quản lý phòng TH C33 (MT)	Thạc sĩ	Mỹ thuật	

TT	Họ và tên	Nội dung phụ trách	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ghi chú
5	Lê Anh Vũ	Quản lý phòng TH C34 (AN)	Cử nhân	Âm nhạc	
6	Lê Minh Cúc Phương	Quản lý phòng TH C35 (KTCN)	Thạc sĩ	Giáo dục học (Kỹ thuật nữ công)	
7	Lý Hồng Nguyệt Quế	Quản lý phòng TH B31 (Múa)	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	
8	Ngô Thị Loan	Quản lý phòng máy	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
9	Lê Anh Khoa	Quản lý phòng máy	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	
10	Trần Thị Hồng Diễm	Quản lý CSVC	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	

Nhận xét chung: Căn cứ Điều 10. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ thuộc Quy định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2023, Tổ XDCTĐT có nhận xét chung về 3 điểm a), b), c) đối với ngành CĐSP GDMN: Giảng viên tham gia giảng dạy ngành Giáo dục mầm non đa số có trình độ Thạc sĩ: Trong đó, có 03 nghiên cứu sinh, 21 Thạc sĩ, 03 Cử nhân ngành Mỹ thuật, Âm nhạc và Giáo dục quốc phòng. Đội ngũ viên chức Bộ môn đủ trình độ, năng lực và kinh nghiệm đảm nhận trên 70% học phần trong khung Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non.

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính logic khi đăng ký học phần. Chương trình được thiết kế gồm hai khối kiến thức cơ bản. Trong đó:

+ Khối kiến thức bắt buộc: Gồm các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp. Các học phần được thiết kế theo hướng tích hợp và đảm bảo không lặp lại kiến thức nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng của nghề giáo viên mầm non.

+ Khuyến khích sinh viên chọn nhóm định hướng 2 làm Khóa luận tốt nghiệp nhằm rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học. Chỉ khi không đủ điều kiện đăng ký làm Khóa luận tốt nghiệp thì sinh viên mới chọn nhóm định hướng 1 (học các học phần chuyên đề)

+ Khối kiến thức tự chọn: Cả hai khối kiến thức đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp đều có các học phần tự chọn. Căn cứ nhu cầu và sở thích, sinh viên lựa chọn để đăng ký học phần tự chọn nhưng phải đảm bảo tích lũy đủ và đúng số tín chỉ tích lũy tối thiểu thuộc học phần tự chọn trong mỗi nhóm học phần tự chọn. Khối kiến thức tự chọn được chia thành hai nhóm: nhóm kỹ năng cơ bản nhằm bổ trợ các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và nhóm kỹ năng nâng

cao nhằm giúp sinh viên mở rộng hiểu biết, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp theo định hướng của bản thân.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Ngoại ngữ: Thực hiện theo Chương trình môn học tiếng Anh trình độ đại học, cao đẳng của Trường Đại học Tiền Giang.

- Ngoài số tín chỉ tích lũy tối thiểu trong chương trình đào tạo, người học phải đạt chuẩn đầu ra kỹ năng công nghệ thông tin đối với sinh viên hệ chính quy theo Quyết định số 196/QĐ-ĐHTG ngày 11 tháng 5 năm 2022 và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang.

9.2. Phương pháp đào tạo

- Giới thiệu chương trình đào tạo cho sinh viên ngay từ đầu khóa, giúp sinh viên nắm bắt mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, hình thức tổ chức thực hiện chương trình. Từ đó, giúp sinh viên định hướng, chủ động xây dựng kế hoạch học tập trong từng học kỳ nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình;

- Kết hợp dạy học trên lớp với tổ chức cho sinh viên kiến tập, thực hành, thực tập sư phạm ở thực tiễn các cơ sở giáo dục mầm non nhằm hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên vận dụng kiến thức kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp (có kế hoạch cụ thể hàng năm). Phát huy các năng khiếu, khả năng riêng của sinh viên trong quá trình dạy học;

- Tích hợp giáo dục các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên trong quá trình dạy và học;

- Thực hiện đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- + Sử dụng các phương pháp dạy học làm phát huy tính tích cực của người học như: seminar, hợp tác nhóm, giải quyết vấn đề, động não, dạy học khám phá, dạy học dự án.

- + Tăng cường cho sinh viên thâm nhập thực tiễn các cơ sở Giáo dục mầm non để quan sát, thực hành, vận dụng các kiến thức kỹ năng đã học vào thực tiễn chăm sóc giáo dục trẻ như: làm bài tập thực hành, viết tiểu luận, thực hành và thực tập tổ chức các hoạt động nuôi, chăm sóc và giáo dục trẻ, làm khóa luận tốt nghiệp...

- Chú trọng củng cố và phát triển ở sinh viên các phương pháp học đại học và phương pháp tự học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng tìm tòi, phát hiện, chiếm lĩnh kiến thức kỹ năng trong quá trình học tập. Cụ thể:

+ Giảng viên tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên viên phương pháp học và phương pháp tự học phù hợp với học phần và tiêu chí đánh giá hoạt động tự học của sinh viên trước khi dạy học phần.

+ Khuyến khích sinh viên tự học thông qua: học nhóm, cá nhân tự học ngoài giờ lên lớp, tự học ở phòng bộ môn hoặc ở thực tiễn các cơ sở giáo dục mầm non;

+ Xây dựng tiêu chí đánh giá việc tự học của sinh viên và được thể hiện cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần.

- Giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, nắm bắt kịp thời các chỉ đạo của Vụ GDMN và địa phương, biên soạn giáo trình và tài liệu giảng dạy đáp ứng theo yêu cầu đổi mới của chương trình Giáo dục mầm non.

- Khai thác các phương tiện như giáo trình, tài liệu tham khảo của thư viện số, phòng thực hành bộ môn vào việc dạy và học, hình thành và phát triển các kỹ năng cho sinh viên.

- Giảng viên và sinh viên thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học: soạn bài giảng điện tử, quay video, báo cáo thuyết trình bằng phần mềm Microsoft Powerpoint, Prezi và các phần mềm chuyên dụng khác.

- Khuyến khích dạy và học bằng Tiếng Anh chuyên ngành.

9.3. Đánh giá kết quả đào tạo

- Xây dựng tiêu chí đánh giá, lựa chọn sử dụng kết hợp nhiều phương pháp đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình.

- Chú trọng đánh giá mức độ hiểu bài, khả năng thực hành, vận dụng và sáng tạo của sinh viên. Đa dạng hóa các hình thức đánh giá như: đánh giá thông qua bài tập thực hành, trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, tiểu luận... để đánh giá được toàn diện kết quả thực hiện mục tiêu đào tạo và đảm bảo kết quả đánh giá khách quan, chính xác.

- Công khai kết quả đánh giá với người học.

- Dựa trên kết quả đánh giá để điều chỉnh chương trình, cải tiến phương pháp dạy và học, đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình.

10. Thông tin cập nhật

10.1. Cơ sở phát triển chương trình

Việc phát triển chương trình đào tạo CĐSP ngành Giáo dục mầm non dựa trên Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG

ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang.

Bên cạnh đó, việc phát triển chương trình đào tạo CĐSP ngành Giáo dục mầm non dựa vào nhu cầu giáo viên mầm non của tỉnh Tiền Giang; phù hợp với chức năng đào tạo của Nhà trường; đáp ứng yêu cầu Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Tiền Giang, khu vực Nam bộ và cả nước.

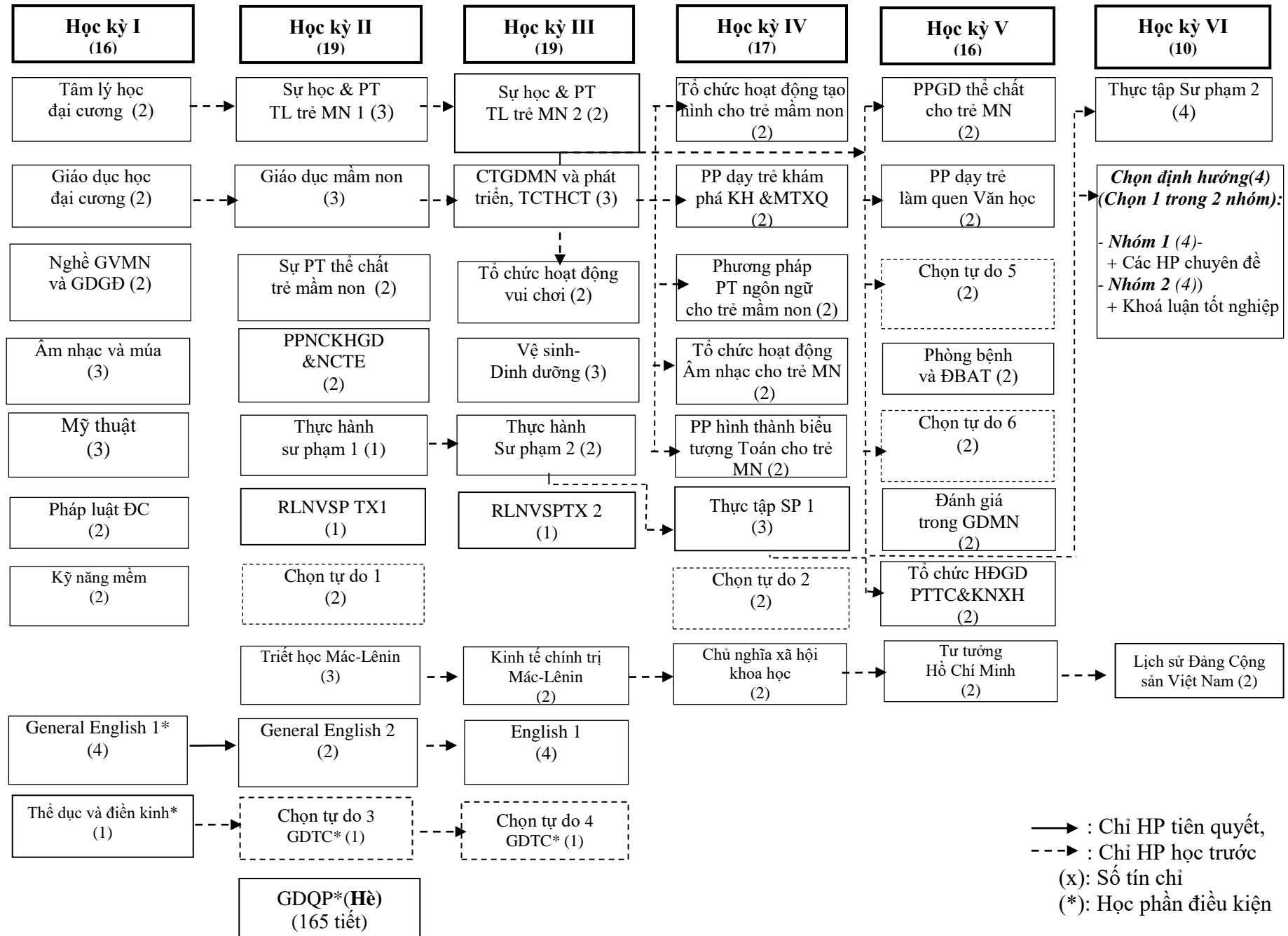
10.2. Thông tin kiểm định

Chương trình đào tạo CĐSP Giáo dục mầm non đã đạt kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo ban hành, cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT số 101/CEAHCM-CT, kèm theo Quyết định số 62/QĐ-TTKĐ, ngày 10/4/2023.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTĐT CĐSP GIÁO DỤC MẦM NON**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khoá học CTĐT Cao đẳng sư phạm Giáo dục Mầm non



PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CTĐT**

Phụ lục II: Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
I	1	15062	Tâm lý học đại cương	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	2	15292	Giáo dục học đại cương	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	3	17302	Nghề giáo viên mầm non và giáo dục gia đình	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	4	17083	Mỹ thuật	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	5	17093	Âm nhạc và Múa	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	6	05052	Kỹ năng mềm	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	7	71012	Pháp luật đại cương													
	8	12371	Thế dục điền kinh*	x	x	x	x	x					x	x	x	x
	9	08004	General English 1*													
II	10	17363	Sự học và sự phát triển tâm lý mầm non 1	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	11	17363	Giáo dục mầm non	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	12	17122	Sự phát triển thể chất trẻ mầm non	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	13	15372	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và nghiên cứu trẻ em	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	14	17521	Thực hành sư phạm 1		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	15	15401	RLNVSP TX1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	16		Nhóm HP chọn tự do 1	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
	17	00033	Triết học Mác-Lênin	x	x	x	x	x					x	x	x	x
	18	08012	General English 2	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	19		Nhóm HP chọn tự do 3 (GDTC*)	x	x	x	x	x					x	x	x	x
	20		Giáo dục quốc phòng và an ninh*	x	x	x	x	x					x	x	x	x
III	21	17372	Sự học & PT TL trẻ em 2	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	22	17163	Chương trình giáo dục mầm non và phát triển, tổ chức thực hiện chương trình	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	23	17192	Tổ chức hoạt động vui chơi	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	24	17133	Vệ sinh - Dinh dưỡng	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	25	17622	Thực hành sư phạm 2		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	26	15301	RLNVSP TX2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	27	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x
	28	08024	English 1	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	29		Nhóm HP chọn tự do 4 (GDTC*)	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x
IV	30	17172	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	31	17242	PP dạy trẻ khám phá KH & MTXQ	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	32	17212	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm				
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04	
HK	33	17182	Tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ mầm non	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
	34	17222	PP hình thành biểu tượng Toán cho trẻ mầm non	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
	35	17543	Thực tập SP 1		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
	36		Nhóm HP chọn tự do 2	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
	37	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x	x	x	x					x	x	x	x	
	V	38	17402	PPGD thể chất cho trẻ mầm non	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
		39	17252	PP dạy trẻ làm quen Văn học	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
40			Nhóm HP chọn tự do 5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
41			Nhóm HP chọn tự do 6	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
42		17332	Đánh giá trong GDMN	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
43		17142	Phòng bệnh và ĐBAT	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	
44		17442	Tổ chức HĐGD phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
45		03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x	x	x					x	x	x	x	
VI	46	17564	Thực tập Sư phạm 2		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
	47	3022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x	x	x	x					x	x	x	x	
	48	17382	Các chuyên đề đổi mới trong Giáo dục mầm non	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	

HK	TT	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03	A04
	49	17632	Chuyên đề chuẩn bị cho trẻ vào Trường Tiểu học	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
	50	17574	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo